

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14** /2023/HNGĐ-ST

Ngày 26/5/2023

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền Diệu

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đăng Lân
2. Bà Trần Thị Minh Thành

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:* Ông Dương Hoàng Long – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm B khai vụ án thụ lý số 129/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1999 – Có đơn xét xử *vắng mặt*

Trú tại: Ấp C, xã D, TP. P, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Anh Trương Châu Ngọc B, sinh năm 1995 – *Có đơn xét xử vắng mặt*

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện C1, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:***

Chị và anh Trương Châu Ngọc B tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2020 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang ngày 16 tháng 9 năm 2020. Vợ chồng chung sống được gần 02 năm thì không chung sống với nhau nữa. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau. Nguyên vọng của chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trương Châu Ngọc B.

Về con chung, tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H. Chị Lê Thị H được ly hôn anh Trương Châu Ngọc B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đăklăk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trương Châu Ngọc B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật B nhận và bảo vệ. Vợ chồng chị H và anh B chung sống được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quá trình chung sống không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 7 năm 2022 đến nay chị H và anh B không chung sống với nhau nữa, anh B về sinh sống tại thôn T, xã Q, huyện C1, tỉnh Đăk Lăk còn chị H vẫn sinh sống tại xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị H cho chị Lê Thị H ly hôn với anh Trương Châu Ngọc B.

[4].Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5].Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trương Châu Ngọc B.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0014149 ngày 03/4/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã Cửa Dương,
- TP.Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Huyền Diệu**